

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HK 2 – MÔN SINH HỌC - LỚP 11

	Nội dung các phần	Kiến thức lưu ý	Ghi chú
1	Tuần hoàn Máu	- Liệt kê các pha một chu kì tim. - Liệt kê được các thành phần cấu tạo của hệ mạch. - Liệt kê được các thành phần trong hệ dẫn truyền tim - Mô tả được đường đi của máu ở các dạng tuần hoàn - Mô tả hệ dẫn truyền tim, chức năng của các thành phần - Mô tả được cấu trúc hệ mạch. - Giải thích được tại sao tim có khả năng đập tự động. - Giải thích sự biến đổi vận tốc máu, huyết áp và tổng tiết diện trong hệ mạch. - Đếm được nhịp tim, đo được huyết áp và thân nhiệt ở người	
2	Cân bằng nội môi	- Liệt kê các CQ, bộ phận tham gia vào quá trình cân bằng nội môi. - Liệt kê các hệ đệm trong cơ chế cân bằng nội môi. - Mô tả vai trò của Gan, Thận trong điều hòa áp suất thẩm thấu.	
3	Hướng động	- Nêu được khái niệm cảm ứng; khái niệm hướng động. - Liệt kê được các kiểu hướng động và các loại hướng động ở TV - Nhận dạng được các đặc điểm của hướng động. - Phân biệt được hướng động dương - âm và các kiểu hướng động. - Xác định các tác nhân, cơ chế gây ra hướng động ở thực vật.	
4	Ứng động	- Liệt kê được các dạng ứng động. - Nêu được khái niệm ứng động sinh trưởng; không sinh trưởng. - Phân biệt được ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng. - Cho 1 số ví dụ cụ thể về ứng động ở thực vật. - Lấy ví dụ về ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng.	
5	Sinh trưởng ở thực vật	- Phân biệt các loại mô phân sinh và chức năng của chúng. - Xác định được nhóm thực vật có sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp. - Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp và thứ cấp. - Xác định tuổi của cây dựa vào vòng gỗ.	
6	Hooc môn thực vật	- Liệt kê được các loại hoocmôn kích thích và ức chế sinh trưởng ở TV.	

		- Nhận biết được vai trò của từng loại hoocmôn. - Phân biệt các nhóm hoocmon kích thích và ức chế. - Giải thích sự tương quan giữa các loại hoocmôn. - Trình bày được mối liên hệ giữa tác động sinh lí của các loại hoocmôn với việc ứng dụng các hoocmôn trong sản xuất và đời sống.	
7	Phát triển ở thực vật có hoa	Nhận biết: - Liệt kê được các nhân tố chi phối sự ra hoa. - Nhận biết thời điểm ra hoa của cây. - Phân biệt được sinh trưởng và phát triển ở thực vật. -Trình bày được mối quan hệ giữa ST và phát triển ở thực vật có hoa. - Liệt kê ví dụ về phát triển của thực vật có hoa.	
8	Phát triển ở động vật	- Nêu được khái niệm sinh trưởng, phát triển ở động vật. - Nêu được khái niệm phát triển không qua biến thái, phát triển qua biến thái, phát triển qua biến thái hoàn toàn, phát triển qua biến thái không hoàn toàn. - Liệt kê các hình thức phát triển ở động vật. Lấy ví dụ minh họa. - Mô tả các giai đoạn phát triển không qua biến thái. - Phân biệt được phát triển qua biến thái và không qua biến thái; phát triển qua biến thái hoàn toàn và không hoàn toàn.	
9	Các nhân tố ảnh hưởng đến ST – PT ở động vật	- Kể tên một số tuyến nội tiết, hoocmôn ở động vật có xương sống. - Trình bày được vai trò của 1 số loại hoocmôn quan trọng ở động vật có xương sống. - Kể tên được các loại hoocmôn ảnh hưởng đến động vật có xương sống. - Liệt kê được nơi sản xuất và tác dụng sinh lý của các loại hoocmôn: sinh trưởng, tiroxin, hoocmôn sinh dục. - Giải thích được 1 số bệnh rối loạn do sự thay đổi nồng độ hoocmôn ở ĐV và người. - Giải thích được hậu quả của việc mất cân bằng hormone ở động vật có xương sống.	
10	SS vô tính ở thực vật	- Nêu được khái niệm chung về sinh sản, sinh sản vô tính ở thực vật. - Liệt kê được các hình thức sinh sản ở thực vật và đại diện của sinh sản vô tính. - Phân biệt được các cơ quan sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. - Trình bày những ưu điểm của phương pháp nhân giống vô tính. - Giải thích được ưu điểm và nhược điểm của phương pháp nhân giống vô tính so với cây trồng từ hạt. - Giải thích được vì sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép.	

11	SS hữu tính ở thực vật	- Phát biểu được khái niệm sinh sản hữu tính ở thực vật. - Liệt kê được các đặc trưng của sinh sản hữu tính ở thực vật. - Nhận biết cơ quan sinh sản đực; cơ quan sinh sản cái. - Nêu được vai trò của quả đối với sự phát triển của thực vật và đời sống con người - Phân biệt tự thụ phấn và thụ phấn chéo. - Phân biệt hai loại hạt: Hạt có nội nhũ và hạt không có nội nhũ. - Xác định nguồn gốc tạo thành phôi, hạt, nội nhũ, quả. - Giải thích được cơ sở để tạo quả không hạt.	
12	Sinh Sản vô tính ở động vật	- Liệt kê các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. - Phân biệt được các kiểu sinh sản vô tính ở động vật. - Trình bày được các hình thức sinh sản vô tính ở các loài động vật. - Trình bày được ưu, nhược điểm của sinh sản vô tính ở thực vật.	
13	Sinh Sản hữu tính ở động vật	- Nêu được khái niệm về sinh sản hữu tính ở động vật. - Liệt kê các hình thức thụ tinh ở động vật. - Nêu được khái niệm của thụ tinh ngoài và thụ tinh trong. - Nêu được vai trò và ý nghĩa của sinh sản hữu tính ở động vật. - Mô tả được hình thức sinh sản hữu tính ở động vật - Phân biệt được các hình thức thụ tinh ở động vật. - Phân biệt được đẻ trứng và đẻ con. - Trình bày được ưu điểm của thụ tinh trong so với thụ tinh ngoài. - Trình bày được ưu điểm của mang thai sinh con ở thú. - Giải thích được chiều hướng tiến hóa trong sinh sản hữu tính ở động vật.	